

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THẢO ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THẢO ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VU THAO ANH TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VU THAO ANH TRADING SERVICES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108207659

**3. Ngày thành lập:** 02/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Văn phòng số 05 Khu văn phòng CEKS, Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                      | 3312        |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                          | 3313        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                          | 3314        |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị khác                                          | 3319        |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                         | 3320        |
| 6.  | Cho thuê xe có động cơ                                          | 7710(Chính) |
| 7.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                | 2591        |
| 8.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                    | 2592        |
| 9.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                   | 3100        |
| 10. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                          | 3311        |
| 11. | Xây dựng nhà các loại                                           | 4100        |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                       | 4210        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích                                    | 4220        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                      | 4290        |
| 15. | Phá dỡ                                                          | 4311        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                           | 4321        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                  | 4330        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới         | 4610        |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông              | 4652        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su... | 4752 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224 |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 30. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651 |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6820 |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7730 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                               | 8121 |
| 35. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                              | 8129 |
| 36. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                               | 8130 |
| 37. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **VŨ HOÀI ANH**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *25/02/1981* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011987127*

Ngày cấp: *04/06/2012* Nơi cấp: *Công an Thành Phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 149A Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 149A Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ HOÀI ANH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *25/02/1981* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011987127*

Ngày cấp: *04/06/2012* Nơi cấp: *Công an Thành Phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 149A Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 149A Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội